

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 25 - 6 - 2025

*“V/v Tranh chấp chia di sản
thừa kế quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Lát.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 11/TB.TA ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Dương Trường S, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 76 ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Ông Dương Văn M, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 75 ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lai Văn T, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 100 ấp K, xã V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Dương Văn H , sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Dương Ngọc M1, sinh năm 1975 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Hiện cư trú tại số 137/38A đường Ng, Phường V, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Dương Thị H1 (Dương Thị Bích L), sinh năm 1975 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Hiện cư trú tại: Hẻm 62/24/13/78 đường Tr , phường T , quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1957 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Hiện cư trú tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Nguyễn Ngọc V , sinh năm 1941 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;

- Ông Thạch Kh (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Khuu Thị H2, sinh năm 1969 (Có mặt).

- Anh Dương Bảo Ch , sinh năm 2005 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Thái Thị B , sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Nguyễn Thị O (Vắng mặt).

- Anh Dương Văn L (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Cẩm D sinh năm 1987 (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Tr (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Phạm Thu Th , sinh năm 2000 (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph , sinh năm 2006 (Vắng mặt).

- Bà Lâm Thị H4, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Dương Trường S trình bày: Mẹ của ông Dương Trường S là bà Lâm Thị Kh1, sinh năm 1937 (chết năm 2020), bà Kh1 có người chồng đầu tên Phạm Văn Ch1 (Trương Văn Ch1) có 1 người con là Phạm Văn T1; sau đó hai người ly hôn, bà Kh1 kết hôn với ông Dương Văn H5 và có 6 người con nữa là Dương Văn M2 (đã chết năm 1989 và có 1 người con là Lai Văn T), Dương Trường S , Dương Văn H , Dương Văn M , Dương Ngọc M1 và Dương Thị H1 (Bích L).*

Sinh thời, bà Kh1 có phần đất diện tích là 14.188m² tại các thửa 185, 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Đối với thửa 185, bà Kh1 và các con đã chuyển nhượng, sang bán cho người khác từ khi bà Kh1 còn sống. Hiện nay, chỉ còn thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; hiện do ông S , ông Dương Văn H và ông Dương Văn M đang quản lý. Ông S thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu vào ngày 17/5/2022, phần đất tranh chấp hiện nay có diện tích 1.687,1m² tại các thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Kh1; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.
- Hướng Tây giáp đường đất có số đo 17,73m + 14,94m + 12,39m.
- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83m + 2,52m + 4,98m + 4,61m + 10,14m + 7,92m + 4,31 m + 0,27m.
- Hướng Bắc giáp công trình Điện gió có số đo 5,97m + 7,64m + 4,71m + 9,06m + 5,79m + 5,85m.

Đối với 2 thửa đất này, trên thửa 401 có căn nhà của ông S và ông H và một phần căn nhà cũ của bà Kh1 hiện nay ông M đang ở; Riêng thửa 727 thì có một phần căn nhà cũ của bà Kh1 và phần đất trống kế bên nhà cũ giáp ranh với ông V . Phần đất hiện nay ông S đang quản lý thửa 401, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp nhà ông Dương Văn H có số đo 30,88m + 12,31m.
- Hướng Tây giáp đường đất có số đo 17,73m + 14,94m + 12,39m.
- Hướng Nam giáp lộ có số đo 0,27m + 4,31m + 7,92m.
- Hướng Bắc giáp nhà ông Thạch Dên có số đo 5,58m + 7,59m.

Diện tích là 590,8m²

Nay, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản thừa kế của bà Kh1 theo quy định pháp luật đối với các thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án. Ông S xin được nhận kỷ phần thừa kế của ông theo quy định pháp luật và kỷ phần thừa kế của bà Dương Thị H1 do bà H1 tự nguyện cho ông S . Đồng thời, buộc ông M phải giao giấy tờ để cho ông S làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Đối với phần đất tranh chấp ranh với ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 5,7m² do ông M chi. Ông S khẳng định, từ lúc mẹ ông S là bà Kh1 còn sống thì giữa gia đình bà Kh1 và ông V đã thống nhất cặm ranh là trụ đá hiện nay. Từ trước đến nay, gia đình hai bên không phản đối vì khi bà Kh1 còn sống, bà Kh1 đã đồng ý cho ông V , việc ông M tranh chấp với ông V là không đúng.

Ông S thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản ông S yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Bị đơn ông Dương Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, ông M trình bày:* Mẹ của ông M tên bà Lâm Thị Kh1, sinh năm 1937 (đã chết). Sinh thời, bà Kh1 kết hôn với ông Dương Văn H5, có 6 người con là Dương Văn M2 (đã chết năm 1989 và có 1 người con là Lai Văn T), Dương Trường S , Dương Văn H , Dương Văn M , Dương Ngọc M1 và Dương Thị H1 (Bích L).

Ngoài ra, bà Lâm Thị Kh1 trước đó có 01 con riêng tên Phạm Văn T1, sinh năm 1957 hiện cư trú tại ấp G , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Lúc còn sống, bà Kh1 có phần đất diện tích là 14.188m² tại các thửa 185, 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất ruộng, bà Kh1 chia cho ông S , ông H và ông M mỗi người 2 (hai) công, còn lại 3 (ba) công bà Kh1 quản lý sử dụng. Tuy nhiên, toàn bộ đất này đều đã bán từ lúc có Công trình Điện gió và bà Kh1 là người trực tiếp đứng ra bán (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Kh1 đứng tên). Phần 3 (ba) công còn lại bà Kh1 ký cho ông M bán, mỗi công giá 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), tiền này ông M quản lý để trị bệnh cho bà Kh1. Sau khi bán 1 (một) tháng thì bà Kh1 chết, số tiền còn lại lo ma chay cho bà Kh1 nên hiện nay cũng không còn.

Ngoài ra bà Kh1 có 2 (hai) công đất dưới vòm, lúc ông M2 còn sống thì làm ruộng, ông M2 bệnh thì bà Kh1 bán để trị bệnh cho ông M2.

Đối với đất nền nhà bà Kh1 tại các thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; hiện nay có 3 người con đang ở là Dương Trường S , Dương Văn H và Dương Văn M .

Ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và ông M yêu cầu nhận thêm phần công sức đóng góp là nuôi mẹ lúc già yếu bệnh tật.

Ông M thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng kết luận định giá ông M yêu cầu Trung tâm công ty định giá theo giá thị trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H trình bày: Ông H thống nhất ý kiến của ông S về quan hệ thừa kế của bà Lâm Thị Kh1 và di sản thừa kế của bà Kh1 hiện nay. Phần đất của ông H đã được mẹ cho từ khi bà Kh1 còn sống, ông H cất nhà trên phần đất này và đến năm 2024 ông H được nhà nước cho căn nhà tình nghĩa nên ông H cất trên nền nhà cũ trước đây. Nay, ông H yêu cầu được nhận phần đất có diện tích là 404,7m² đúng như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp nhà ông Dương Văn M có số đo 29,76m + 12,32m.
- Hướng Tây giáp nhà ông Dương Trường S có số đo 30,88m + 12,31m
- Hướng Nam giáp lộ có số đo 10,14m.
- Hướng Bắc giáp nhà ông Thạch D có số đo 9,06m.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản thừa kế của bà Kh1 theo quy định pháp luật đối với các thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và buộc ông M phải giao giấy tờ để cho ông H làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Đối với phần đất tranh chấp ranh với ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 5,7m²; từ lúc mẹ ông H là bà Kh1 còn sống hai bên đã thống nhất cặm ranh là trụ đá hiện nay. Từ trước đến nay, gia đình hai bên không phản đối vì khi bà Kh1 còn sống, bà Kh1 đã đồng ý cho ông V . Việc ông M tranh chấp với ông V là không đúng.

Ông H thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Lai Văn T trình bày:* Anh T thống nhất ý kiến của ông S về quan hệ thừa kế của bà Lâm Thị Kh1 và di sản thừa kế của bà Kh1 hiện nay. Anh T là con ruột của ông Dương Văn M2, ông M2 đã chết từ năm 1989 và chỉ có một mình anh T là con. Lúc bà Kh1 còn sống, bà Kh1 hứa cho anh T một nền nhà giáp ranh với đất của ông Nguyễn Ngọc V.

Anh T thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản thừa kế của bà Kh1 theo quy định pháp luật đối với các thửa 401 thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, cho anh được nhận nền nhà giáp ranh với đất ông V thuộc một phần thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07; buộc ông M phải giao giấy tờ để cho anh T làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật

Trước đây, tại đơn khởi kiện, anh T có yêu ông M trả cho anh T tiền bán ruộng là 279.000.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng). Nay, anh T xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần đất tranh chấp ranh với ông V có diện tích 5,7m²; từ lúc bà Kh1 còn sống hai bên đã thống nhất cắm ranh là trụ đá hiện nay. Anh T thống nhất với trụ đá khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc M1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết bà M1 trình bày:*

Bà M1 thống nhất về quan hệ thừa kế của bà Lâm Thị K1 và di sản thừa kế của bà Kh1 hiện nay. Phần đất này trước đây, khi bà Kh1 còn sống, bà Kh1 đã hứa cho bà M1 một nền nhà bề ngang 5m. Nay, các anh chị em không thỏa thuận được, bà M1 yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Kh1 theo quy định pháp luật.

Bà M1 thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà M1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng kết luận định giá bà M1 yêu cầu Trung tâm công ty định giá theo giá thị trường.

Hiện nay, do công việc của bà M1 tại thành phố Hồ Chí Minh, đi đường xa, công việc bận rộn nên bà M1 xin Tòa án cho bà được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H1 (Dương Thị Bích L) đơn xin giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết bà H1 trình bày:* Cha bà H1 tên Dương Văn H5 và mẹ là bà Lâm Thị Kh1, sinh năm 1937, hiện nay cha mẹ của bà H1 đều đã chết. Cha mẹ bà H1 có 6 người con gồm có Dương Văn M2 (là cha ruột của Dương Văn T sau này đổi thành Lai Văn T) (đã chết), Dương Trường S , Dương Văn H , Dương Văn M ; Dương Ngọc M1 và Dương Thị H1 (còn có tên là Dương Thị Bích L); ngoài ra, ra bà Kh còn có 01 con riêng tên Phạm Văn T1, sinh năm 1957 hiện cư trú tại ấp G , xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Lúc ở nhà, mẹ bà H1 đặt tên của bà là Dương Thị Bích L , nhưng thực tế từ nhỏ đến lớn bà H1 sử dụng tên là Dương Thị H1 và tại toàn bộ các giấy tờ hiện nay là Dương Thị H1, sinh năm 1975 số căn cước công dân là 094175013797 được Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022.

Tài sản của cha mẹ bà H1 để lại là phần đất hiện nay các anh của bà H1 đang cất nhà ở và các phần đất ruộng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Kh1 có diện tích là 14.188m² tại các thửa 185, 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất ruộng bà Kh1 khi còn sống có cho các con trai mỗi người 02 (hai) công tầm cây, phần của ai tự sử dụng riêng. Riêng phần đất nhà hiện nay, các anh của bà H đang cất nhà ở.

Nay, phần thừa kế của cha mẹ để lại, đối với kỹ phần của bà Dương Thị H1 được nhận theo quy định pháp luật, bà H1 đồng ý cho lại người anh của bà là ông Dương Trường S được hưởng kỹ phần của bà H1. Việc cho lại kỹ phần của bà H1 cho ông Dương Trường S là do bà H1 tự nguyện, bà H1 cam đoan việc tự nguyện của mình và không có khiếu nại gì về sau.

Hiện nay, do công việc của bà H1 tại thành phố Hồ Chí Minh, đi đường xa, công việc bận rộn nên bà H1 xin Tòa án cho bà được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông T1 trình bày:* Ông T1 là con của bà Kh1. Đối với tài sản của bà Kh1 để lại, ông T1 từ chối nhận mà nhường lại cho các em. Ông T1 xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc V trình bày:* Phần đất giáp ranh giữa ông V với gia đình bà Kh1 trước đây hai bên đã cắm ranh từ khi bà Kh1 còn sống, có trụ đá hiện nay vẫn còn. Ông V yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khuu Thị H2 trình bày:* Bà H2 là vợ ông S, bà thống nhất ý kiến của chồng bà không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà B trình bày:* Bà B là vợ ông H, bà thống nhất ý kiến của chồng bà không có yêu cầu gì khác.

Đối với những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Thạch Kh, anh Dương Bảo Ch, bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D, ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr, chị Nguyễn Phạm Thu Th, anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph, bà Lâm Thị H4: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông Dương Trường S nhưng ông Thạch Kh, anh Dương Bảo Ch, bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D, ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr, chị Nguyễn Phạm Thu Th, anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph, bà Lâm Thị H4 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự nhưng ông Thạch Kh, anh Dương Bảo Ch, bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D, ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr, chị Nguyễn Phạm Thu Th, anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph, bà Lâm Thị H4 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 24/4/2025; ông Thạch Kh, anh Dương Bảo Ch, bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D, ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr, chị Nguyễn Phạm Thu Th, anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph, bà Lâm Thị H4 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

** Chứng cứ Tòa án thu thập được là:* Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Chứng thư thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt số 219/2024/117/BDS-ST, ngày 26/8/2024; Công văn số

436/CNVC ngày 05/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Vĩnh Châu; Trích lục hồ sơ địa chính thửa đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn Dương Trường S ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H , anh Lai Văn T , bà Khuru Thị H2 và ông Nguyễn Ngọc V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bà Dương Thị H1, bà Dương Ngọc M1, ông Phạm Văn T1 có yêu cầu vắng mặt; Riêng bị đơn ông Dương Văn M ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Kh , bà Thái Thị B , bà Nguyễn Thị O , anh Dương Văn L , ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D , ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr , chị Nguyễn Phạm Thu Th , anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph , bà Lâm Thị H4 và anh Dương Bảo Ch vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trường S đối với bị đơn ông Dương Văn M về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

* Về hàng thừa kế:

Bà Lâm Thị Kh1 chết ngày 09/02/2020 có người chồng đầu tiên là ông Phạm Văn Ch1 (Trương Văn Ch1) có 01 (một) người con là Phạm Văn T1, sau đó ly hôn và ông Ch1 đã chết từ trước khi giải phóng. Sau đó, bà Kh1 kết hôn với ông Dương Văn H5 (chết năm 2007) có 06 (sáu) người con là: Ông Dương Văn M2 (chết năm 1989) có 01 (một) người con là Lai Văn T), ông Dương Trường S , ông Dương Văn H , ông Dương Văn M , bà Dương Ngọc M1 và bà Dương Thị H1 (Dương Thị Bích L).

Bà Dương Thị H1 tự nguyện cho ký phần thừa kế của mình cho ông

Dương Trường S . Riêng ông Phạm Văn T1 từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lâm Thị Kh1.

* Về di sản thừa kế:

- Phần đất có diện tích 1.687,1m² tại các thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Kh1).

- Căn nhà của bà Lâm Thị Kh1, tọa lạc tại thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Tổng di sản của bà Lâm Thị Kh1 là 1.828.300.420đ (một tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Do ông Phạm Văn T1 từ chối nhận di sản, nên chia cho 6 kỷ phần còn lại, mỗi kỷ phần tương đương 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

* Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

1. Giao cho ông Dương Trường S phần đất có diện tích 590,8m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; giá trị là 587.255.200đ (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông S được nhận là của ông và của bà H1 là 2 kỷ phần, tổng giá trị là 609.433.473 đồng; Do đó ông S còn thiếu số tiền là 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

2. Giao cho ông Dương Văn H phần đất có diện tích diện tích 404,7m², thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên. Giá trị là 402.271.800đ (bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng). Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), theo đó, ông H được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông H nhận thừa so với kỷ phần của ông là 97.557.064đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Giao cho bà Dương Ngọc M1 phần đất trồng hiện ông M đang quản lý có vị trí giữa nhà ông H và nhà ông M đang ở có diện tích 192,0m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên. Giá trị là 190.848.000đ (một trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Mỗi kỳ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), bà M1 được nhận 1 kỳ phần; phần tài sản bà M1 được nhận còn thiếu so với kỳ phần mình được nhận với số tiền là 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

4. Giao cho ông Dương Văn M phần đất có căn nhà của bà Lâm Thị Kh1 hiện do gia đình ông M đang ở có diện tích 305,5m² thuộc thửa 401 và 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; (trong đó có 263,5m² thuộc thửa 401 và 42m² thuộc thửa 727) và căn nhà của bà Kh1. Giá trị đất trồng cây lâu năm là 261.919.000đ (hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm mười chín đồng) đất ONT là 66.108.000đ (sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng); Nhà của bà Kh1 có giá là 93.091.020đ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng); tổng cộng là 421.118.020đ (bốn trăm hai mươi một triệu một trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi đồng). Mỗi kỳ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông M được nhận 1 kỳ phần; phần tài sản ông M nhận thừa so với kỳ phần của ông là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

5. Giao cho anh Lai Văn Toại được hưởng phần thừa kế thế vị của ông Dương Văn M2 (đã chết) là phần đất trống giữa nhà ông M và đất ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 194,1m² thuộc thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên. Giá trị đất trồng cây lâu năm là 134.885.800đ (một trăm ba mươi bốn triệu đồng tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng); đất ONT là 91.921.600đ (chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng); tổng cộng là 226.807.400đ (hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng). Mỗi kỳ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông T được nhận 1 kỳ phần; phần tài sản ông T nhận còn thiếu so với kỳ phần mình được nhận với số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Đối với kỹ phân giao cho bà Dương Ngọc M1 và anh Lai Văn T hiện do ông Dương Văn M và gia đình ông M là bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L đang quản lý. Do đó, buộc ông M, bà O và anh L phải giao cho bà Dương Ngọc M1 và ông Lai Văn T phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản ông H dư là 97.557.064đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) và ông M dư là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Trong khi đó, ông S thiếu 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng), bà M1 thiếu 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và anh T thiếu 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Do đó:

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho bà Dương Ngọc M1 số tiền là 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 2.532.548đ (hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho anh Lai Văn T số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 19.645.728đ (mười chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Dương Trường S, bà Dương Ngọc M1, anh Lai Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Dương Văn H và ông Dương Văn M còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Đối với căn nhà, cây trồng trên phần đất Sơn, ông H đang quản lý sử dụng và nhà sau của ông M là do tự cá nhân xây dựng. Do đó, đây không phải là di sản thừa kế, phần của cá nhân người nào do người đó được quản lý sử dụng. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết khi giao đất cho các đương sự khi chia thừa kế.

* Đối với các cây trồng khác thì các đương sự cho rằng không yêu cầu giải quyết, đất trên phần đất giao cho ai người đó được tiếp tục sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Lai Văn T về việc buộc ông Dương Văn trả cho anh T 279.000.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn M ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Kh , bà Thái Thị B , bà Nguyễn Thị O , anh Dương Văn L , ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Cẩm D , ông Nguyễn Văn S1, bà Phạm Thị Tr , chị Nguyễn Phạm Thu Th , anh Nguyễn Phạm Vĩnh Ph , bà Lâm Thị H4 và anh Dương Bảo Ch vắng mặt không có lý do; Bà Dương Thị H1, bà Dương Ngọc M1, ông Phạm Văn T1 có yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, những người có mặt yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và người thừa kế: Bà Lâm Thị Kh1 chết ngày 09/02/2020; ông Dương Trường S nộp đơn khởi kiện ngày 15/12/2021 về tranh chấp chia di sản thừa kế là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Xét thấy lời khai của các đương sự thì bà Lâm Thị Kh1 chết ngày 09/02/2020 không để lại di chúc. Vì vậy phải chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn Dương Trường S theo quy định pháp

luật tại các điều 649, 650 và 651 bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về hàng thừa kế:

Bà Lâm Thị Kh1 chết ngày 09/02/2020 có người chồng đầu tiên là ông Phạm Văn Ch1 (Trương Văn Ch1) có 01 (một) người con là Phạm Văn T1, sau đó ly hôn và ông Ch1 đã chết từ trước khi giải phóng. Sau đó, bà Kh1 kết hôn với ông Dương Văn H5 (chết năm 2007) có 06 (sáu) người con là: Ông Dương Văn M2 (chết năm 1989) có 01 (một) người con là Lai Văn T), ông Dương Trường S , ông Dương Văn H , ông Dương Văn M , bà Dương Ngọc M1 và bà Dương Thị H1 (Dương Thị Bích L).

[6] Về di sản thừa kế:

Căn cứ theo lời trình bày của đương sự và hồ sơ vụ án thì:

* Phần đất có diện tích 1.687,1m² tại các thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Kh1); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.
- Hướng Tây giáp đường đất có số đo 17,73m + 14,94m + 12,39m.
- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83m + 2,52m + 4,98m + 4,61m + 10,14m + 7,92m + 4,31 m + 0,27m.
- Hướng Bắc giáp công trình Điện gió có số đo 5,97m + 7,64m + 4,71m + 9,06m + 5,79m + 5,85m.

* Căn nhà của bà Lâm Thị Kh1, tọa lạc tại thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[6.1] Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì phần đất tại thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là của bà Lâm Thị Kh1; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị Kh1.

Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định, phần đất tại thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; là di sản thừa kế của bà Lâm Thị Kh1.

[6.2] Quá trình sử dụng đất: Theo lời trình bày của các đương sự và hiện trạng thực tế khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ như sau:

1. Phần đất ông Dương Trường S đang quản lý sử dụng có diện tích 590,8m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo $30,88\text{m} + 12,31\text{m}$

- Hướng Tây giáp lộ đất có số đo $17,73\text{m} + 14,94\text{m} + 12,39\text{m}$.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo $0,27\text{m} + 4,31\text{m} + 7,92\text{m}$.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo $5,85\text{m} + 7,59\text{m}$.

Trên phần đất có tồn tại căn nhà của ông Dương Trường S gồm có như sau:

Nhà trước chiều ngang $5,4\text{m}$ x chiều dài 12m diện tích 65m^2 , xây dựng vào năm 2016 là nhà độc lập, mái lợp tol xi măng, cột bê tông cốt thép, móng gia cố cừ, nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, cửa nhôm, không trần.

Nhà sau chiều ngang $4,4\text{m}$ x chiều dài $11,2\text{m}$ diện tích 49m^2 xây dựng năm 1999 nhà khung cột gỗ, mái lợp tol xi măng, vách lá, không trần nền láng xi măng.

Nhà vệ sinh chiều ngang $1,8\text{m}$ x chiều dài $2,4\text{m}$ diện tích $4,3\text{m}^2$ xây tường 10, mái lợp tol xi măng, bàn cầu bột.

Sân trước, chiều ngang $7,92\text{m}$ x chiều dài $7,7\text{m}$ láng xi măng có lót đá 4×6 .

Sân sau nền bê tông dày trung bình 8cm .

Cây trồng chuối, tre, 13 cây dừa loại A, 01 cây táo loại A. Hàng rào trụ cột bê tông xây gạch 10.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 590,8\text{m}^2 = 587.255.200\text{đ}$ (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là $244.563.760\text{đ}$ (hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là $16.550.000\text{đ}$ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Phần đất ông Dương Văn H đang quản lý sử dụng có diện tích $404,7\text{m}^2$, thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Trường S sử dụng có số đo 30,88m + 12,31m

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 10,14m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 9,06m.

Trên đất có 01 căn nhà tình thương được xây dựng năm 2024 trên nền nhà cũ (theo biên bản thẩm định bổ sung ngày 04/6/2024) nhà chính diện tích 44,1m²) ngang 6m x dài 7,35m) kết cấu cột bê tông cốt thép, mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, tường xây gạch, không la phong.

Hiên nhà 12,0m² (ngang 2m x dài 6m) kết cấu mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, không có la phong.

Sân diện tích 52,5m² nền bê tông

Chuồng gà diện tích 10,6m² xong quan lợp lá dừa nước, mái lợp tol xi măng.

Trên đất ông H đang quản lý có 35 cây chuối, 03 cây xoài và 01 cây Diệp. Tại phiên tòa, ông H khẳng định, những cây ăn trái còn lại đó nằm trong phần đất ông M quản lý.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 404,7m² = 402.271.800đ (bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là 88.007.160đ (tám mươi tám triệu không trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là 3.438.000đ (ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Phần đất ông Dương Văn M đang quản lý sử dụng có diện tích 691,6m² thuộc thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo 29,76m + 12,32m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 4,61m + 4,98m + 2,52m + 3,83m + 0,29m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 4,71m + 7,64m + 5,97m.

Phần đất này được chia thành 3 phần cụ thể như sau:

3.1. Phần đất trống giữa nhà ông H và nhà ông M đang ở có diện tích

192,0m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 29,14m + 13,31m.

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo 29,76m + 12,32m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 4,61m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 4,71m.

Trên phần đất trồng có 01 cây Táo loại A, 01 cây Nhàu loại A (hiện nay cây Nhàu không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 192,0m² = 190.848.000đ (một trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Giá trị cây trồng trên đất là 600.000.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

3.2. Phần đất có căn nhà của bà Lâm Thị Kh1 hiện do gia đình ông Dương Văn M đang ở có diện tích 305,5m² thuộc thửa 401 và 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (trong đó có 263,5m² thuộc thửa 401 và 42m² thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất trồng tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 28,19m + 12,36m

- Hướng Tây giáp đất trồng tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 29,14m + 13,31m

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 4,98m + 2,52m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 7,64m.

Trên đất có:

Căn nhà của bà Kh1 chiều ngang 4,1m x dài 11,6m diện tích 51,7m² xây dựng năm 2002, cột bê tông cốt thép, móng không gia cố nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, không trần, cửa nhôm và gỗ.

Nhà sau chiều ngang 4,4m x dài 10,2m diện tích 46,8m² do ông Mẫn xây dựng năm 2022 vách lá, mái lợp tol xi măng.

Có 01 cây dừa loại A và 01 cây còng (hiện nay cây còng không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 263,5m² = 261.919.000đ (hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm mười chín đồng).

- Giá trị đất ONT là $1.574.000/m^2 \times 42m^2 = 66.108.000đ$ (sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Tài sản trên đất: Nhà trước của bà Kh1 có giá là 93.091.020đ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng);

Tổng cộng giá trị đất và nhà của bà Kh1 là 421.118.020đ (bốn trăm hai mươi một triệu một trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi đồng).

Nhà sau do ông M xây dựng 29.671.200đ (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng); Cây ăn trái giá trị là 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3.3. Phần đất trống giữa nhà ông M và đất ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 194,1m² thuộc thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (trong đó có 135,7m² thuộc thửa 401 và 58,4m² thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.

- Hướng Tây giáp nhà ông M đang sử dụng có số đo 28,19m + 12,36m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83 + 0,29m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 5,97m.

Trên đất có 03 cây dừa loại A, 01 cây Quách loại B và 02 bụi tre khoảng 60 cây và 20 cây chuối loại B.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 135,7m² = 134.885.800đ (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

- Giá trị đất ONT là 1.574.000 đồng/m² x 58,4m² = 91.921.600đ (chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng là 226.807.400đ (hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Cây ăn trái giá trị là 4.425.000đ (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các phần đất này, hiện nay do ông Dương Trường S, ông Dương Văn M và ông Dương Văn H cùng quản lý sử dụng. Tuy nhiên, các bên đều thống nhất đây là tài sản của bà Kh1 hiện do bà Kh1 đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản do bà

Kh1 để lại là có căn cứ chấp nhận.

[6.3] Về giá trị tài sản tranh chấp:

Phần diện tích đất của bà Lâm Thị Kh1 do được cấp đại trà theo thời điểm năm 1996, không được đo đạc cụ thể nên các phần đất trên bị lệch so với thực tế. Tại thửa đất tại thửa 727 có hạn mức đất ONT 200m² tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành thẩm định đo đạc thực tế thì phần đất này hiện do ông M quản lý chỉ còn 100,4m²; Còn phần đất tại thửa 401 nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Kh1.

Do đó, giá trị tài sản di sản trong tổng diện tích là 1.687,1m² có 2 thửa cụ thể như sau: (thửa 401 loại đất cây lâu năm có diện tích 1.586,7m² x giá là 994.000đồng/m² = 1.571.179.800đ (một tỷ năm trăm bảy mươi một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng); Thửa 727 đất ONT có diện tích 100,4m² x 1.574.000đồng/m² = 158.029.600đ (một trăm năm mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng; căn nhà của bà Khiêm có giá là 93.091.020đ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng). Riêng đối với các cây ăn trái và một số công trình là nhà ở và công trình phụ do các đương sự tự xây dựng và trình bày khi Tòa án chia thừa kế thì cây trồng trên phần đất giao cho ai người đó được tiếp tục sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, tổng di sản của bà Lâm Thị Kh1 là 1.828.300.420đ (một tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Do ông Phạm Văn T1 từ chối nhận di sản, nên chia cho 6 kỷ phần còn lại, mỗi kỷ phần tương đương 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng). Bà Dương Thị H1 đồng ý cho kỷ phần của mình cho ông Dương Trường S nên ông S được nhận 2 kỷ phần; anh T là con của ông Dương Văn M2 nên được nhận kỷ phần của ông M2; ông H , ông M , bà M1 mỗi người được một kỷ phần theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng ông có công nuôi dưỡng bà Kh1 trong thời gian bà Kh1 còn sống nên yêu cầu được hưởng công chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, căn cứ theo lời trình bày của các đương sự khác và cả cá nhân ông M thì khi bà Kh1 còn sống, bà Kh1 có bán một số diện tích đất ruộng cho các Công trình Điện gió để điều trị bệnh và sinh hoạt. Do đó, ông M yêu cầu công chăm sóc nuôi dưỡng là không có căn cứ chấp nhận.

Ông Dương Văn H và anh Lai Văn T có yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế

quyền sử dụng đất. Xét thấy, yêu cầu của ông Dương Trường S là yêu cầu chia di sản Thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ông H và anh T là hàng thừa kế theo quy định pháp luật nên yêu cầu của ông H và anh T đối với yêu cầu chia di sản Thừa kế quyền sử dụng đất không phải là yêu cầu độc lập.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của các đương sự thì phần đất ruộng bà Kh1 đã bán trong thời gian bà Kh1 còn sống để chi phí thuốc thang và sinh hoạt cá nhân, do đó, yêu cầu của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

Riêng đối với căn nhà, cây trồng trên phần đất Sơn, ông H đang quản lý sử dụng và nhà sau của ông M là do tự cá nhân xây dựng và làm nên. Do đó, đây không phải là di sản, phần của cá nhân nào do người đó tự quản lý sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết khi giao đất cho các đương sự.

[6.4] Về việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Do phần đất ông S và ông H đang sử dụng ổn định, căn nhà của các đương sự có sẵn không thể di dời nên ổn định phần đất cho ông S và ông H theo hiện trạng thực tế Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ. Trường hợp quy ra giá trị cao hơn phải hoàn lại cho người nhận hiện vật có giá trị thấp hơn.

Theo đó:

1. Giao cho ông Dương Trường S phần đất có diện tích 590,8m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo 30,88m + 12,31m

- Hướng Tây giáp lộ đất có số đo 17,73m + 14,94m + 12,39m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 0,27m 4,31m + 7,92m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 5,85m + 7,59m.

Trên phần đất có tồn tại căn nhà của ông Dương Trường S gồm có như sau:

Nhà trước chiều ngang 5,4m x chiều dài 12m diện tích 65m², xây dựng vào năm 2016 là nhà độc lập, mái lợp tol xi măng, cột bê tông cốt thép, móng gia cố cừ, nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, cửa nhôm, không trần.

Nhà sau chiều ngang 4,4m x chiều dài 11,2m diện tích 49m² xây dựng năm 1999 nhà khung cột gỗ, mái lợp tol xi măng, vách lá, không trần nền láng xi măng.

Nhà vệ sinh chiều ngang 1,8m x chiều dài 2,4m diện tích 4,3m² xây tường 10, mái lợp tol xi măng, bàn cầu beton.

Sân trước, chiều ngang 7,92m x chiều dài 7,7m láng xi măng có lót đá 4x6.

Sân sau nền bê tông dày trung bình 8cm.

Cây trồng chuối, tre, 13 cây dừa loại A, 01 cây táo loại A. Hàng rào trụ cột bê tông xây gạch 10.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000 đồng/m² x 590,8m² = 587.255.200đ (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là 244.563.760đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là 16.550.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông S được nhận là của ông và của bà Hén là 2 kỷ phần, tổng giá trị là 609.433.473 đồng; Do đó ông S còn thiếu số tiền là 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

2. Giao cho ông Dương Văn H phần đất có diện tích 404,7m², thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có sổ đo

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Trường S sử dụng có sổ đo 30,88m + 12,31m

- Hướng Nam giáp huyện lộ có sổ đo 10,14m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có sổ đo 9,06m.

Trên đất có 01 căn nhà tình thương được xây dựng năm 2024 trên nền nhà

cũ (theo biên bản thẩm định bổ sung ngày 04/6/2024) nhà chính diện tích 44,1m²) ngang 6m x dài 7,35m) kết cấu cột bê tông cốt thép, mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, tường xây gạch, không la phong.

Hiện nhà 12,0m² (ngang 2m x dài 6m) kết cấu mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, không có la phong.

Sân diện tích 52,5m² nền bê tông

Chuồng gà diện tích 10,6m² xong quan lợp lá dừa nước, mái lợp tol xi măng.

Trên đất ông H đang quản lý có 35 cây chuối, 03 cây xoài và 01 cây Diệp. Tại phiên tòa, ông H khẳng định, những cây ăn trái còn lại nằm trong phần đất ông M quản lý.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 404,7m² = 402.271.800đ (bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là 88.007.160đ (tám mươi tám triệu không trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là 3.438.000đ (ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), theo đó, ông Hải được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông H nhận thừa so với kỷ phần của ông là 97.557.064đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Giao cho bà Dương Ngọc M1 phần đất trống hiện ông M đang quản lý có vị trí giữa nhà ông H và nhà ông M đang ở có diện tích 192,0m² thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 29,14m + 13,31m.

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo 29,76m + 12,32m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 4,61m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 4,71m.

Trên phần đất trồng có 01 cây Táo loại A, 01 cây Nhàu loại A (hiện nay cây Nhàu không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 192,0\text{m}^2 = 190.848.000\text{đ}$ (một trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Giá trị cây trồng trên đất là $600.000.000\text{đ}$ (sáu trăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là $304.716.736\text{đ}$ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), bà M1 được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản bà M1 được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là $113.868.736\text{đ}$ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

4. Giao cho ông Dương Văn M phần đất có căn nhà của bà Lâm Thị Kh1 hiện do gia đình ông M đang ở có diện tích $305,5\text{m}^2$ thuộc thửa 401 và 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; (trong đó có $263,5\text{m}^2$ thuộc thửa 401 và 42m^2 thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất trồng tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo $28,19\text{m} + 12,36\text{m}$

- Hướng Tây giáp đất trồng tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo $29,14\text{m} + 13,31\text{m}$

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo $4,98\text{m} + 2,52\text{m}$.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo $7,64\text{m}$.

Trên đất có:

Căn nhà của bà Kh1 chiều ngang $4,1\text{m}$ x dài $11,6\text{m}$ diện tích $51,7\text{m}^2$ xây dựng năm 2002, cột bê tông cốt thép, móng không gia cố nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, không trần, cửa nhôm và gỗ.

Nhà sau chiều ngang $4,4\text{m}$ x dài $10,2\text{m}$ diện tích $46,8\text{m}^2$ do ông Mẫn xây dựng năm 2022 vách lá, mái lợp tol xi măng.

Có 01 cây dừa loại A và 01 cây còng (hiện nay cây còng không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 263,5\text{m}^2 = 261.919.000\text{đ}$ (hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm mười chín đồng).

- Giá trị đất ONT là $1.574.000/\text{m}^2 \times 42\text{m}^2 = 66.108.000\text{đ}$ (sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Tài sản trên đất: Nhà trước của bà Kh1 có giá là 93.091.020đ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng);

Tổng cộng giá trị đất và căn nhà của bà Kh1 là 421.118.020đ (bốn trăm hai mươi một triệu một trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi đồng).

Nhà sau do ông M xây dựng 29.671.200đ (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng); Cây ăn trái giá trị là 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông M được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông M nhận thừa so với kỷ phần của ông là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

5. Giao cho anh Lai Văn T được hưởng phần thừa kế thế vị của ông Dương Văn M2 (đã chết) là phần đất trồng giữa nhà ông M và đất ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 194,1m² thuộc thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; (trong đó có 135,7m² thuộc thửa 401 và 58,4m² thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.

- Hướng Tây giáp nhà ông M đang sử dụng có số đo 28,19m + 12,36m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83 + 0,29m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 5,97m.

Trên đất có 03 cây dừa loại A, 01 cây Quách loại B; 02 bụi tre khoảng 60 cây và 20 cây chuối loại B.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 135,7m² = 134.885.800đ (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

- Giá trị đất ONT là 1.574.000 đồng/m² x 58,4m² = 91.921.600đ (chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng là 226.807.400đ (hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Cây ăn trái giá trị là 4.425.000đ (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông T được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông T nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Đối với kỷ phần giao cho bà Dương Ngọc M1 và anh Lai Văn T hiện do ông Dương Văn M và gia đình ông M là bà Nguyễn Thị O, anh Dương Văn L đang quản lý. Do đó, buộc ông M, bà O và anh L phải giao cho bà Dương Ngọc M1 và ông Lai Văn T phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản ông H dư là 97.557.064đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) và ông M dư là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Trong khi đó, ông S thiếu 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng), bà M1 thiếu 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và anh T thiếu 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Do đó:

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho bà Dương Ngọc M1 số tiền là 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 2.532.548đ (hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho anh Lai Văn T số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 19.645.728đ (mười chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Dương Trường S, bà Dương Ngọc M1, anh Lai Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Dương H và ông Dương Văn M còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Đối với căn nhà, cây trồng trên phần đất S, ông H đang quản lý sử dụng và nhà sau của ông M là do tự cá nhân xây dựng. Do đó, đây không phải là di sản thừa kế, phần của cá nhân người nào do người đó được quản lý sử dụng. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết khi giao đất cho các đương sự khi chia thừa kế.

* Đối với các cây trồng khác thì các đương sự cho rằng không yêu cầu giải quyết, cây trồng trên phần đất giao cho ai người đó được tiếp tục sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về yêu cầu độc lập của anh Lai Văn T :

Đối với yêu cầu của anh Lai Văn T về việc buộc ông Dương Văn M trả cho anh T 279.000.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng). Tại phiên tòa, anh T rút yêu cầu độc lập này nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 18.934.600 (mười tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm đồng), do ông Dương Trường S nộp tạm ứng, ông Sơn yêu cầu giải quyết theo quy định. Do vụ án chia thừa kế theo pháp luật nên những người được hưởng thừa kế phải chịu chi phí tương ứng; Theo đó, 6 kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần sẽ chịu là 3.155.767đ (ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Ông S nhận hai kỹ phần nên chịu số tiền tương ứng hai kỹ phần. Ông Dương Văn M ông Dương Văn H, bà Dương Ngọc M1 và anh Lai Văn T có trách nhiệm trả cho ông S mỗi người là 3.155.767đ (ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc những người hưởng thừa kế phải chịu án phí trên phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, do ông Dương Trường S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; nên miễn án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[9] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, Điều 613, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trường S đối với bị đơn ông Dương Văn M về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

* Về hàng thừa kế:

Bà Lâm Thị Kh1 chết ngày 09/02/2020 có người chồng đầu tiên là ông Phạm Văn Ch1 (Trương Văn Ch1) có 01 (một) người con là Phạm Văn T1, sau đó ly hôn và ông Ch1 đã chết từ trước khi giải phóng. Sau đó, bà Kh1 kết hôn với ông Dương Văn H5 (chết năm 2007) có 06 (sáu) người con là: Ông Dương Văn M2 (chết năm 1989) có 01 (một) người con là Lai Văn T), ông Dương Trường S , ông Dương Văn H , ông Dương Văn M , bà Dương Ngọc M1 và bà Dương Thị H1 (Dương Thị Bích L).

Bà Dương Thị H1 tự nguyện cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông Dương Trường S . Riêng ông Phạm Văn T1 từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lâm Thị Kh1.

* Về di sản thừa kế:

- Phần đất có diện tích 1.687,1m² tại các thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Kh1); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.
- Hướng Tây giáp đường đất có số đo 17,73m + 14,94m + 12,39m.
- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83m + 2,52m + 4,98m + 4,61m + 10,14m + 7,92m + 4,31 m + 0,27m.
- Hướng Bắc giáp công trình Điện gió có số đo 5,97m + 7,64m + 4,71m + 9,06m + 5,79m + 5,85m.

* Căn nhà của bà Lâm Thị Kh1, tọa lạc tại thửa 401, 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Giá trị tài sản di sản trong tổng diện tích là $1.687,1\text{m}^2$ có 2 thửa cụ thể như sau: (thửa 401 loại đất cây lâu năm có diện tích $1.586,7\text{m}^2$ x giá là $994.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 1.571.179.800\text{đ}$ (một tỷ năm trăm bảy mươi một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng); Thửa 727 đất ONT có diện tích $100,4\text{m}^2$ x $1.574.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 158.029.600\text{đ}$ (một trăm năm mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng); Căn nhà của bà Khiếm có giá là $93.091.020\text{đ}$ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng). Tổng di sản của bà Lâm Thị Kh1 là $1.828.300.420\text{đ}$ (một tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Do ông Phạm Văn T1 từ chối nhận di sản, nên chia cho 6 kỳ phần còn lại, mỗi kỳ phần tương đương $304.716.736\text{đ}$ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

* Chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

1. Giao cho ông Dương Trường S phần đất có diện tích $590,8\text{m}^2$ thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo $30,88\text{m} + 12,31\text{m}$

- Hướng Tây giáp lộ đất có số đo $17,73\text{m} + 14,94\text{m} + 12,39\text{m}$.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo $0,27\text{m} + 4,31\text{m} + 7,92\text{m}$.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo $5,85\text{m} + 7,59\text{m}$.

Trên phần đất có tồn tại căn nhà của ông Dương Trường S gồm có như sau:

Nhà trước chiều ngang $5,4\text{m}$ x chiều dài 12m diện tích 65m^2 , xây dựng vào năm 2016 là nhà độc lập, mái lợp tol xi măng, cột bê tông cốt thép, móng gia cố cừ, nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, cửa nhôm, không trần.

Nhà sau chiều ngang $4,4\text{m}$ x chiều dài $11,2\text{m}$ diện tích 49m^2 xây dựng năm 1999 nhà khung cột gỗ, mái lợp tol xi măng, vách lá, không trần nền láng xi măng.

Nhà vệ sinh chiều ngang $1,8\text{m}$ x chiều dài $2,4\text{m}$ diện tích $4,3\text{m}^2$ xây tường 10, mái lợp tol xi măng, bàn cầu bệt.

Sân trước, chiều ngang 7,92m x chiều dài 7,7m lát xi măng có lót đá 4x6.

Sân sau nền bê tông dày trung bình 8cm.

Cây trồng chuối, tre, 13 cây dừa loại A, 01 cây táo loại A. Hàng rào trụ cột bê tông xây gạch 10.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000 \text{ đồng/m}^2 \times 590,8 \text{m}^2 = 587.255.200\text{đ}$ (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là 244.563.760đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là 16.550.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông S được nhận là của ông và của bà H1 là 2 kỷ phần, tổng giá trị là 609.433.473 đồng; Do đó ông S còn thiếu số tiền là 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

2. Giao cho ông Dương Văn H phần đất có diện tích 404,7m², thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Trường S sử dụng có số đo 30,88m + 12,31m

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 10,14m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 9,06m.

Trên đất có 01 căn nhà tình thương được xây dựng năm 2024 trên nền nhà cũ (theo biên bản thẩm định bổ sung ngày 04/6/2024) nhà chính diện tích 44,1m²) ngang 6m x dài 7,35m) kết cấu cột bê tông cốt thép, mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, tường xây gạch, không la phong.

Hiên nhà 12,0m² (ngang 2m x dài 6m) kết cấu mái lợp tol xi măng, nền lát gạch men, không có la phong.

Sân diện tích 52,5m² nền bê tông

Chuồng gà diện tích $10,6m^2$ xong quan lợp lá dừa nước, mái lợp tol xi măng.

Trên đất ông H đang quản lý có 35 cây chuối, 03 cây xoài và 01 cây Diệp. Tại phiên tòa, ông H khẳng định, những cây ăn trái còn lại đó nằm trong phần đất ông M quản lý.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000\text{đồng}/m^2 \times 404,7m^2 = 402.271.800\text{đ}$ (bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Công trình trên đất có giá trị là $88.007.160\text{đ}$ (tám mươi tám triệu không trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng) và cây trồng trên đất có giá trị là $3.438.000\text{đ}$ (ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là $304.716.736\text{đ}$ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), theo đó, ông H được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông H nhận thừa so với kỷ phần của ông là $97.557.064\text{đ}$ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Giao cho bà Dương Ngọc M1 phần đất trống hiện ông Mẫn đang quản lý có vị trí giữa nhà ông H và nhà ông M đang ở có diện tích $192,0m^2$ thuộc thửa 401 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo $29,14m + 13,31m$.

- Hướng Tây giáp đất tại thửa 401 do ông Dương Văn H sử dụng có số đo $29,76m + 12,32m$.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo $4,61m$.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo $4,71m$.

Trên phần đất trống có 01 cây Táo loại A, 01 cây nhàu loại A (hiện nay cây nhàu không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá $994.000\text{đồng}/m^2 \times 192,0m^2 = 190.848.000\text{đ}$ (một trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Giá trị cây trồng trên đất là $600.000.000\text{đ}$ (sáu trăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là $304.716.736\text{đ}$ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), bà M1 được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản bà

M1 được nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

4. Giao cho ông Dương Văn M phần đất có căn nhà của bà Lâm Thị Khiếm hiện do gia đình ông M đang ở có diện tích 305,5m² thuộc thửa 401 và 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; (trong đó có 263,5m² thuộc thửa 401 và 42m² thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất trống tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 28,19m + 12,36m

- Hướng Tây giáp đất trống tại thửa 401 do ông Dương Văn M sử dụng có số đo 29,14m + 13,31m

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 4,98m + 2,52m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 7,64m.

Trên đất có:

Căn nhà của bà Kh1 chiều ngang 4,1m x dài 11,6m diện tích 51,7m² xây dựng năm 2002, cột bê tông cốt thép, móng không gia cố nền lát gạch Ceramit, tường xây gạch tô hoàn thiện, không trần, cửa nhôm và gỗ.

Nhà sau chiều ngang 4,4m x dài 10,2m diện tích 46,8m² do ông Mẫn xây dựng năm 2022 vách lá, mái lợp tol xi măng.

Có 01 cây dừa loại A và 01 cây còng (hiện nay cây còng không còn).

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 263,5m² = 261.919.000đ (hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm mười chín đồng).

- Giá trị đất ONT là 1.574.000/m² x 42m² = 66.108.000đ (sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Tài sản trên đất: Nhà trước của bà Kh1 có giá là 93.091.020đ (chín mươi ba triệu không trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi đồng);

Tổng cộng giá trị đất và căn nhà của bà Kh1 là 421.118.020đ (bốn trăm hai mươi một triệu một trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi đồng).

Nhà sau do ông M xây dựng 29.671.200đ (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng); Cây ăn trái giá trị là 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông M được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông M nhận thừa so với kỷ phần của ông là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

5. Giao cho anh Lai Văn T được hưởng phần thừa kế thế vị của ông Dương Văn M2 (đã chết) là phần đất trồng giữa nhà ông M và đất ông Nguyễn Ngọc V có diện tích 194,1m² thuộc thửa 401 và thửa 727 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lâm Thị Kh1 đứng tên; (trong đó có 135,7m² thuộc thửa 401 và 58,4m² thuộc thửa 727); có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Ngọc V có số đo 27,54m + 12,30m.

- Hướng Tây giáp nhà ông M đang sử dụng có số đo 28,19m + 12,36m.

- Hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3,83 + 0,29m.

- Hướng Bắc giáp công trình điện gió có số đo 5,97m.

Trên đất có 03 cây dừa loại A, 01 cây Quách loại B và 02 bụi tre khoảng 60 cây và 20 cây chuối loại B.

* Giá trị tài sản theo Kết luận thẩm định giá tài sản là:

- Giá trị đất trồng cây lâu năm có đơn giá 994.000đồng/m² x 135,7m² = 134.885.800đ (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

- Giá trị đất ONT là 1.574.000 đồng/m² x 58,4m² = 91.921.600đ (chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng là 226.807.400đ (hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng).

- Tài sản trên đất: Cây ăn trái giá trị là 4.425.000đ (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Mỗi kỷ phần là 304.716.736đ (ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), ông T được nhận 1 kỷ phần; phần tài sản ông T nhận còn thiếu so với kỷ phần mình được nhận với số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Đối với kỷ phần giao cho bà Dương Ngọc M1 và anh Lai Văn T hiện do ông Dương Văn M và gia đình ông M là bà Nguyễn Thị O , anh Dương Văn L

đang quản lý. Do đó, buộc ông M , bà O và anh L phải giao cho bà Dương Ngọc M1 và ông Lai Văn T phần đất có diện tích, vị trí tứ cận như nêu trên.

Do phần tài sản ông H dư là 97.557.064đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) và ông M dư là 116.401.284đ (một trăm mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Trong khi đó, ông S thiếu 22.178.273đ (hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng), bà M1 thiếu 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và anh T thiếu 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Do đó:

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho bà Dương Ngọc M1 số tiền là 113.868.736đ (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn M có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 2.532.548đ (hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho anh Lai Văn T số tiền là 77.909.336đ (bảy mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Dương Văn H có trách nhiệm trả cho ông Dương Trường S số tiền là 19.645.728đ (mười chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

(Có sơ đồ kèm theo)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Dương Trường S , bà Dương Ngọc M1, anh Lai Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Dương Văn H và ông Dương Văn M còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Đối với căn nhà, cây trồng trên phần đất Sơn, ông H đang quản lý sử dụng và nhà sau của ông M là do tự cá nhân xây dựng. Do đó, đây không phải là di sản thừa kế, phần của cá nhân người nào do người đó được quản lý sử dụng. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết khi giao đất cho các đương sự khi chia thừa kế.

* Đối với các cây trồng khác thì các đương sự cho rằng không yêu cầu giải quyết, cây trồng trên phần đất của ai giao cho người đó được tiếp tục sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về yêu cầu độc lập của anh Lai Văn T : Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Lai Văn T về việc buộc ông Dương Văn M trả cho anh T 279.000.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng).

2/. Chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 18.934.600 (mười tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm đồng), do ông Dương Trường S nộp tạm ứng, ông S yêu cầu giải quyết theo quy định. Do vụ án chia thừa kế theo pháp luật nên những người được hưởng thừa kế phải chịu chi phí tương ứng; Theo đó, 6 kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần sẽ chịu là 3.155.767đ (ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Ông S nhận hai kỹ phần nên chịu số tiền tương ứng hai kỹ phần. Ông Dương Văn M , ông Dương Văn H , bà Dương Ngọc M1 và anh Lai Văn T có trách nhiệm trả cho ông S mỗi người là 3.155.767đ (ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

3/. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Dương Trường S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Tuy nhiên, do ông S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

- Ông Dương Trường S phải chịu án phí trên phần được tặng cho của bà Dương Thị H1 là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.280đ (năm trăm bảy mươi nghìn hai trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu số 0002236 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Ông Dương Trường S còn phải nộp thêm là 14.665.556đ (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Ông Dương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Ông Dương Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Bà Dương Ngọc M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Anh Lai Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần được nhận là 15.235.836đ (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002368 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Anh Lai Văn T còn phải nộp thêm là 8.435.836đ (tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

4/. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án; Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Lát Nguyễn Huỳnh Hoa

Võ Thị Hiếu

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Huỳnh Hoa

Võ Thị Hiếu

